

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 183/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:**

“b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.”.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:**

“2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ các hành vi quy định tại Điều 15, Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định này thì áp dụng đối với tổ chức.”.

**Điều 3. Bãi bỏ Điều 7.**

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 9 như sau:**

“1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 10 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền đối với hành vi đổ đất, chất thải, phế nguyên liệu, vật liệu, vật tư vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai như sau:”.

2. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để phương tiện vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai.”.

**Điều 6. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 Điều 11 như sau:**

“c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.”.

**Điều 7. Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 1 Điều 15 như sau:**

“1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác như sau:”.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản, điểm Điều 24 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Làm lều, quán; các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Phạt tiền đối với hành vi mở rộng quy mô công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình dưới 05 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài dưới 10 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 05 m<sup>2</sup> đến dưới 10 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 10 m đến dưới 20 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 20 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 20 m đến dưới 40 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 20 m<sup>2</sup> đến dưới 30 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 40 m đến dưới 60 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 30 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup> hoặc tăng chiều dài từ 60 m đến dưới 80 m đối với công trình dạng tuyến, tường;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, mở rộng, lấn chiếm làm tăng diện tích công trình từ 50 m<sup>2</sup> trở lên hoặc tăng chiều dài từ 80 m trở lên đối với công trình dạng tuyến, tường.”.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 7.

4. Bổ sung khoản 7a và khoản 7b vào sau khoản 7 như sau:

“7a. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà ở, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự trừ công trình quy định tại khoản 7b Điều này như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích dưới 10 m<sup>2</sup>;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 10 m<sup>2</sup> đến dưới 20 m<sup>2</sup>;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 20 m<sup>2</sup> đến dưới 40 m<sup>2</sup>;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 40 m<sup>2</sup> đến dưới 50 m<sup>2</sup>;

đ) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình có diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên.

7b. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng cầu không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu tạm dân sinh;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài dưới 05 m;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 05 m đến dưới 07 m;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 07 m đến dưới 10 m;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 10 m đến dưới 15 m;

e) Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 15 m đến dưới 20 m;

g) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cầu kiên cố có chiều dài từ 20 m trở lên.”.

5. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:

“8a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; các điểm a, b, c, d, đ khoản 2; khoản 4; khoản 5; các điểm a, b, c khoản 6; khoản 7; khoản 7a; khoản 7b; khoản 8 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ khoản 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 8 Điều này.”.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm Điều 26 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; khoản 2; khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.”.

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 27 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền đối với hành vi làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chiếm dụng, sử dụng, di chuyển công trình phụ trợ đê điều sai quy định như sau:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 6 như sau:

“6. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ đê điều mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây nổ làm nguy hại đến thân đê mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp khẩn cấp được người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Luật Đê điều quyết định nổ, phá nhằm phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê.”.

4. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 11 như sau:

“d) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này.”.

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 28 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình phân lũ, làm chậm lũ trong phạm vi bảo vệ đê điều mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình công qua đê, công trình tràn sự cố, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đê điều.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng với giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.”.

**Điều 12.** Bãi bỏ cụm từ “tang vật,” tại khoản 4 Điều 29.

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 Điều 32 như sau:**

“1. Phạt tiền đối với hành vi xây dựng nhà ở, công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều và phạm vi lòng sông không bao gồm bãi nổi hoặc cù lao, trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:”.

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 như sau:**

“2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này gồm:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 38 đến Điều 46 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;

b) Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

c) Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

d) Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

đ) Đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền.”.

**Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản Điều 38 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

2. Bãi bỏ khoản 2.

**Điều 16. Bổ sung Điều 38a vào sau Điều 38 như sau:**

**“Điều 38a. Thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều và một số chức danh khác**

1. Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 80.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai; Chánh Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 80.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

**Điều 17. Bãi bỏ Điều 39.**

**Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:**

**“Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư**

1. Kiểm ngư viên có quyền:

a) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục trưởng Chi cục về lĩnh vực thủy sản, kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai;

- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

**Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:**

**“Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân**

1. Chiến sĩ Công an nhân dân có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều.

2. Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 75.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 150.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 60.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 80.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:**

**“Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 12.500.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 37.500.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 75.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 75.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 150.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 60.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 125.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực đê điều;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”.

**Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:**

**“Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển**

1. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

3. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

4. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

5. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

6. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.”.

**Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:**

**“Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải Việt Nam**

1. Thanh tra viên Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam thành lập có quyền phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

3. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

4. Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.”.

**Điều 23. Bãi bỏ Điều 45.**

**Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:**

**“Điều 46. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy**

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy có quyền phạt tiền đến 12.500.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy có quyền phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.”.

**Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:**

**“Điều 47. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều và một số chức danh khác có thẩm quyền xử phạt đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV theo thẩm quyền quy định tại Điều 38a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Kiểm ngư có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 40 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trên vùng biển được giao.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 theo thẩm quyền quy định tại Điều 41 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

5. Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 theo thẩm quyền quy định tại Điều 42 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại khu vực biên giới.

6. Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn trên vùng biển được giao.

7. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải Việt Nam có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 44 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

**Điều 26. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 4 Điều 48 như sau:**

“b) Trường hợp hành vi vi phạm làm công trình đê điều hư hỏng cần phải xử lý khẩn cấp để bảo đảm an toàn đê điều, đối tượng vi phạm phải thực hiện hoặc hoàn trả kinh phí thực hiện xử lý khẩn cấp theo phương án do cấp thẩm quyền phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc cấp xã phê duyệt phương án xử lý khẩn cấp trong trường hợp trên theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý;

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đôn đốc, giám sát, hướng dẫn trong quá trình thực hiện; có biên bản xác nhận khi hoàn thành gửi người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.”.

**Điều 27. Bổ sung Điều 48a vào sau Điều 48 như sau:**

**“Điều 48a. Xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử**

Việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.”.

**Điều 28. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.
2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều đã xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng xử phạt theo quy định của Nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.
2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều đã xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì xử phạt theo quy định của Nghị định này.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và các quy định pháp luật liên quan đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (02b). 66

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Hồ Quốc Dũng**